

VĂN HÓA GIÁO DỤC TRONG TRƯỜNG TƯ THỰC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NHÌN TỪ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN

*EDUCATIONAL CULTURE OF FOREIGN-INVESTED PRIVATE SCHOOLS FROM
SPATIAL ORGANIZATIONAL STANDPOINTS*

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Trường Đại học Hoa Sen, *huyen.ngthithanh2958@hoasen.edu.vn*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p><i>Ngày nhận: 15/5/2022</i> <i>Ngày nhận lại: 20/5/2022</i> <i>Duyệt đăng: 15/6/2022</i> <i>Mã số: TCKH-S02T6-B12-2022</i> <i>ISSN: 2354 – 0788</i></p> <p>Từ khóa: <i>văn hóa giáo dục, trường tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, trường công lập, tổ chức không gian.</i></p> <p>Key words: <i>educational culture, international school, spatial organization.</i></p>	<p><i>Trường tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư là một bộ phận trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Phân tích đặc điểm của loại hình trường này sẽ giúp soi chiếu và định hình căn tính, thúc đẩy quá trình hội nhập tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư diễn ra nhanh chóng và thuận lợi hơn. Với góc nhìn quan sát tham dự và thông qua điều tra, khảo sát, bài viết tìm hiểu về đặc điểm văn hóa giáo dục nhìn từ tổ chức không gian qua các cặp đối lập lưỡng phân: cao xa - gần gũi, hướng tâm - li tâm, đóng - mở và tĩnh - động. Đồng thời, người viết đề xuất những giải pháp áp dụng vào thực tiễn trường công lập.</i></p> <p>ABSTRACT</p> <p><i>The international school is an important part of the education system in Vietnam. Analyzing the characteristics of this type of school will aid local schools in Vietnam reflecting and shaping their identity as well as promoting a more rapid and convenient international integration process. The article learns about educational cultural characteristics viewed from spatial organizations through dichotomous pairs of opposites: intimate-distant, centripetal-centrifugal, closed-open and static-dynamic through participatory observational perspectives, investigation, and survey. The author concludes the article by recommending solutions for use in Vietnam's local schools.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mọi quá trình đổi mới luôn bắt đầu với việc xác định đặc điểm hiện tại (đang là thế nào) và tương lai (sẽ là thế nào) của bản thân/ đối tượng. Cả hai câu hỏi đó đều cần đến tiêu chuẩn để định hình căn tính (hiện tại) và xác định đích đến

(tương lai). Trường phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư ở một quốc gia đang phát triển sẽ đóng vai trò thực thể sống động của các tiêu chuẩn tham chiếu cho sự phát triển văn hóa giáo dục trường địa phương, trong bối cảnh toàn cầu hóa. Bài viết trình bày và phân tích các đặc

điểm văn hóa của trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhìn từ bình diện tổ chức không gian qua các cặp đối lập: cao xa - gần gũi, hướng tâm - li tâm, đóng - mở, tĩnh - động; từ đó chỉ ra các đặc trưng có thể và cần tham chiếu để giúp các trường phổ thông nhanh chóng đáp ứng yêu cầu hội nhập tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư.

Bài viết vận dụng mô hình “Văn hóa củ hành” của G. Hofstede để phân tích các biểu tượng và thực hành nhằm tìm ra chiều sâu và tâm thức văn hóa của các loại hình trường khác nhau. Những phân tích của bài viết góp phần xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn cho vấn đề xây dựng văn hóa giáo dục nhìn từ tổ chức không gian của trường phổ thông, có thể là nguồn tham khảo hữu ích cho các cấp quản lý trong hoạt động giáo dục phổ thông [8].

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Văn hóa giáo dục trong khu biệt với văn hóa trường học và văn hóa dạy học

Qua phân tích khái niệm về văn hóa giáo dục của các nhà nghiên cứu, chúng tôi cho rằng có những đặc trưng có thể tiếp thu: 1) văn hóa giáo dục là hệ thống giá trị; 2) là sản phẩm của một nhóm cộng đồng người, gắn liền với chủ thể trong giai đoạn và không gian nhất định; 3) được kế thừa và phát triển bởi các chủ thể trong quá trình hoạt động giáo dục.

Để hiểu khái niệm này, cần khu biệt với hai khái niệm gần/có liên quan: văn hóa trường học và văn hóa dạy học. Yếu tố quan trọng của văn hóa trường học, theo Hofstede, G. là: “Những quy tắc, giá trị, niềm tin, truyền thống, nghi thức, nghi lễ và huyền thoại thông dịch bởi một nhóm người cụ thể. Các giá trị thể hiện trong kế hoạch bài học của người dạy, cách hiệu trưởng tổ chức cuộc họp,... đồ trang trí hiển thị trong hành lang. Tất cả các phần ấy không tách rời của văn hóa trường học” [5, tr.15].

Như vậy, văn hóa giáo dục và văn hóa trường học sẽ có những điểm giống nhau và giao nhau: Đó là những yếu tố như niềm tin, thái độ,

giá trị, chuẩn mực, mối quan hệ, mục tiêu và thực hành... thể hiện cụ thể qua kế hoạch bài giảng, qua trang trí trường lớp... hai khái niệm này không thể đồng nhất với nhau. Điểm khác biệt thứ nhất là về thời gian. Phải có trường học mới có văn hóa trường học. Khi chưa có trường học đã có giáo dục. Văn hóa giáo dục có trước văn hóa trường học. Điểm khác biệt thứ hai là về không gian. Trong văn hóa trường học, không gian chính được đề cập là trường học. Gia đình, cộng đồng hay xã hội chỉ là yếu tố ảnh hưởng. Còn văn hóa giáo dục có thể xét ở nhiều không gian khác nhau: gia đình, nhà trường, xã hội... Với mỗi không gian khác nhau ấy, các không gian còn lại chỉ mang tính chất ảnh hưởng. Điểm khác biệt thứ ba, nếu như văn hóa trường học nhấn mạnh đến chủ thể (trường học) thì văn hóa giáo dục nhấn vào hoạt động (giáo dục). Qua những phân tích và so sánh trên, chúng tôi khẳng định: văn hóa giáo dục và văn hóa trường học có nhiều điểm giống nhau, giao thoa nhau nhưng không phải là một [6, tr.9-10].

Một khái niệm cũng cần được phân biệt và làm rõ với văn hóa giáo dục là văn hóa dạy học. Nếu như giáo dục là một trong những nhân tố quan trọng cho sự phát triển của con người, có thể được định nghĩa là “Quá trình nhận hoặc trao hệ thống hướng dẫn đặc biệt ở trường học” thì dạy học là “Việc định hình tư tưởng và hành động của con người thông qua việc hướng dẫn và/ hoặc thực hiện những thực hành dẫn đến một ứng xử hay năng lực mới” [9]. Nếu như giáo dục là một quá trình thì dạy học là một nghề nghiệp. Nếu như dạy học là những điều mà người dạy làm (What teachers do) thì giáo dục là điều mà người học hi vọng đạt được (Student hopefully get). Nếu như giáo dục là toàn diện, bao gồm sự phát triển trí tuệ, thể chất, đạo đức (Education is holistic, it includes development of the intellectual, physical, moral domains) thì dạy học là một phương pháp cụ thể bao gồm các lĩnh vực của giáo dục. Xét trong không gian trường học, văn hóa giáo dục và văn hóa dạy học cùng

liên quan đến chủ thể chính là người học và người dạy. Nếu như giáo dục là một trong những nhân tố quan trọng cho sự phát triển của con người, có thể được định nghĩa là “Quá trình nhận hoặc trao hệ thống hướng dẫn đặc biệt ở trường học” thì dạy học là “Việc định hình tư tưởng và hành động của con người thông qua việc hướng dẫn và/ hoặc thực hiện những thực hành dẫn đến một ứng xử hay năng lực mới” [9]. Nếu như giáo dục là một quá trình thì dạy học là một nghề nghiệp. Nếu như dạy học là những điều mà người dạy làm (What teachers do) thì giáo dục là điều mà người học hi vọng đạt được (Student hopefully get). Nếu như giáo dục là toàn diện, bao gồm sự phát triển trí tuệ, thể chất, đạo đức (Education is holistic, it includes development of the intellectual, physical, moral domains) thì dạy học là một phương pháp cụ thể bao gồm các lĩnh vực của giáo dục. Do vậy, chúng tôi cho rằng không thể đồng nhất văn hóa giáo dục với văn hóa dạy học.

Văn hóa giáo dục được nhận biết dựa vào các giá trị vật chất và tinh thần gắn liền với quá trình dạy và học. Giá trị vật chất và tinh thần ở đây phân tách mang tính tương đối. Ví dụ, trong nhà trường, sách giáo khoa là biểu hiện của giá trị vật chất, cách thức sử dụng sách giáo khoa và các tư liệu giảng dạy khác lại là biểu hiện của giá trị tinh thần, của các mối quan hệ (tuân thủ hay trao quyền) và dấu hiệu để nhận biết văn hóa giáo dục, như Krishna Kumar từng khẳng định:

Sách giáo khoa tượng trưng cho quyền lực, theo đó các thầy cô giáo phải chấp nhận để làm việc. Nó cũng tượng trưng cho tình trạng chur hầu của người dạy trong văn hóa giáo dục [8].

Mặt khác, văn hóa giáo dục có thể nhận biết qua dáng điệu, cách thức con người tương tác với nhau và tham gia vào hoạt động giáo dục, từ quản lý đến nhân viên, từ người dạy, người học đến bảo vệ, tạp vụ.... Trong lớp học, người dạy chính là hình mẫu, là minh chứng cho văn hóa giáo dục: “Trong bối cảnh lớp học, người dạy đóng vai trò quan trọng trong việc minh chứng

văn hóa giáo dục” [10]. Người dạy là người phổ biến, làm mẫu, kiểm tra các quy định của trường, lớp, là minh chứng đầu tiên và quan trọng cho văn hóa giáo dục trong trường. Người học vừa là chủ thể, vừa là sản phẩm của văn hóa giáo dục ấy. Để nhận biết văn hóa giáo dục của trường, cần quan tâm đến người dạy và người học, đặt người dạy và người học vào vị trí trung tâm để tìm hiểu và nghiên cứu.

Các yếu tố trên không tồn tại riêng rẽ mà gắn bó mật thiết, chặt chẽ lẫn nhau, thể hiện trong nhau thành một hệ thống. Thực tế, văn hóa giáo dục dễ nhận thấy nhưng cảm nhận dễ hơn là đo lường như Schubart, B. từng khẳng định: “Bạn có thể cảm thấy nó trong vòng vài phút khi bước vào một trường học: thái độ của các sinh viên, dáng điệu của các người dạy, cách chăm sóc các dụng cụ, hiện vật của sự khám phá, học hỏi, sự tò mò, cộng đồng, cách biểu lộ và quan niệm đó tô điểm cho các bức tường” [9].

Tóm lại, văn hóa giáo dục có điểm tương đồng nhưng rất khác biệt văn hóa trường học và văn hóa dạy học. Sự khác biệt của văn hóa giáo dục và văn hóa trường học thể hiện ở thời gian, không gian, chủ thể. Sự khác biệt của văn hóa giáo dục và văn hóa dạy học thể hiện ở mục tiêu, phương pháp, độ bao phủ và mức ảnh hưởng. Văn hóa giáo dục được nhận diện dựa vào bốn đặc trưng (tính giá trị, tính nhân sinh, tính lịch sử, tính hệ thống). Văn hóa giáo dục trong nhà trường có thể nhận biết qua các giá trị: giá trị tinh thần (hệ thống triết lý quản lý, phân cấp, phương pháp giảng dạy..., cách biểu lộ và quan niệm...) và giá trị vật chất (dụng cụ học tập, các bức tường, sân trường...).

2.2. Các đặc trưng của văn hóa giáo dục trường tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhìn từ không gian

Đi từ trường phổ thông công lập sang trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, khái niệm không gian lớp học thay đổi và mở rộng: Từ không gian tĩnh (sắp xếp bàn ghế và bài trí lớp học) đến không gian động (hoạt

động và tương tác), từ không gian đóng (khép kín trong khuôn viên lớp) đến không gian mở (mở rộng ra không gian trường và ngoài trường). Trong không gian ấy, các biểu tượng (bục giảng, bàn học) và thực hành (quan hệ liên dòng, xây dựng cộng đồng) cũng có sự khác biệt.

Để tìm hiểu về các đặc trưng của văn hóa giáo dục trường tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhìn từ không gian, tác giả kết hợp giữa góc nhìn người trong cuộc (qua hoạt động quan sát - tham dự với 15 năm giảng dạy và quản lý tại các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và góc nhìn người ngoài cuộc (thông qua điều tra định lượng khảo sát ngẫu nhiên 400 mẫu từ hai trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư: SaiGon South International School (SSIS), Canada International School (CIS); một trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư song ngữ: Wellspring SaiGon Bilingual School (Well); hai trường công lập: trung học phổ thông Nguyễn Thị Diệu (NTD) – các trường này đều nằm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và trung học phổ thông Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Qua phân tích (bóc lớp vỏ củ hành) các biểu tượng và thực hành nói trên, bài viết tìm ra sự khác biệt của các giá trị văn hóa (lối củ hành) của các loại hình trường khác nhau: cao xa - gần gũi; hướng tâm - li tâm; đóng - mở và động - tĩnh.

2.2.1. Cao xa và gần gũi

Biểu tượng đầu tiên cần nhắc đến trong lớp học là bục giảng. Ở một số nước, bục giảng không dừng lại ở chức năng giúp người dạy đứng cao hơn, dễ quan sát học trò hơn, học trò cũng dễ quan sát người dạy hơn mà từ hình ảnh thực tế, bục giảng đã nâng lên hàm chỉ một nghề nghiệp. Bục giảng trở thành biểu tượng của nghề giáo, của uy nghiêm. Đặt trong tương quan có bục giảng và không có bục giảng có thể tìm thấy giá trị văn hóa của các loại hình trường học thông qua cặp đối lập cao xa - gần gũi.

Đứng trên bục giảng, thầy cao hơn trò, thầy toàn quyền, độc tôn trong quyền phát ngôn, trò thấp hơn thầy và trò thụ động lĩnh hội. Ranh giới cơ học ấy cũng minh định không gian, triết tiêu khả năng cân bằng và tương tác giữa các bên. Chính bục giảng ảnh hưởng đến mô hình “hướng tâm” khi sắp xếp bàn ghế của lớp học. Và cái tâm ấy là hướng lên bục giảng, lên người dạy.

Bục giảng minh chứng cho quan hệ tôn ti giữa người dạy và người học. Tại nhiều nước châu Âu, điển hình là Phần Lan, bục giảng có cao đến mấy cũng thấp hơn vị trí người học, sinh viên ngồi dự. Đó là một vị trí bình đẳng và không áp đặt - triết lý giáo dục bình đẳng của người Phần Lan khởi đi từ hình ảnh của bục giảng. Người dạy chính là nền tảng nhưng trung tâm và trên hết vẫn là người học. Người dạy cung cấp phương pháp, định hướng, giúp đỡ sàng lọc thông tin... còn việc tìm ra kiến thức phải bắt nguồn từ phía người học, nhất là trong thời đại số, việc tìm kiếm kiến thức không còn là chuyện khó khăn. Trong trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nói chung và rất nhiều mô hình giáo dục ảnh hưởng phương Tây, bục giảng không tồn tại. Giữa thầy và trò không có khoảng cách, thầy di chuyển liên tục quanh lớp học, quan sát, hỗ trợ người học như những người cộng sự. Theo khảo sát của chúng tôi, 22 trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư (đã đề cập ở Thành phố Hồ Chí Minh đều không có bục giảng. Trong khi đó, 15 trường trung học phổ thông công lập (Trường Trưng Vương, Lương Thế Vinh (Quận 1), Giồng Ông Tố, Thủ Thiêm (Quận 2), Nguyễn Thị Diệu (Quận 3), Nguyễn Trãi, Nguyễn Hữu Thọ (Quận 4), Hùng Vương, Trần Khai Nguyên (Quận 5), Trần Hữu Trang, Mạc Đĩnh Chi (Quận 6), Lê Thánh Tôn, Ngô Quyền (Quận 7), Lương Văn Can, Tạ Quang Bửu (Quận 8) bất kỳ được chúng tôi khảo sát tại Thành phố Hồ Chí Minh đều có bục giảng. Lớp học của trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư còn phân chia ra nhiều không gian (góc đọc sách, góc yên tĩnh,

góc thảo luận...) để người học cảm nhận không khí thoải mái, thân thiện, dễ chịu; để không gian lớp học không “căng cứng”, đầy quyền uy và trang nghiêm. Khoảng cách giữa thầy và trò dường như xóa nhòa, dường như không còn khoảng cách. Bục giảng - biểu tượng quan trọng trong lớp học là một trong những minh chứng cho mối quan hệ tôn ti. Nhìn từ tổ chức lớp học, việc không tồn tại bục giảng trong các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư giúp việc di chuyển, tương tác của người dạy với các thành viên trong lớp dễ dàng hơn; nhìn từ ứng xử, điều đó nhấn mạnh vào tính đồng đẳng của mối quan hệ thầy - trò trong trường học. Ngược lại, bục giảng làm cho quá trình học dễ trở thành một chiều, việc quản lý lớp học cũng gặp khó khăn; nhìn từ ứng xử, điều đó thể hiện sự nhấn mạnh vào tôn ti trong ứng xử thầy - trò. Vô tình, cái bục giảng cao ngẽu ngẽn và uy nghiêm trở thành ranh giới cơ học phân định người dạy và người học. Bục giảng có tác dụng như công cụ ngăn trở mọi cuộc đối thoại có tính chất bình đẳng giữa thầy và trò.

Như vậy, để người học trong lớp học thực sự là trung tâm, điều chỉnh lại mối quan hệ tôn ti giữa người dạy và người học nhằm giúp quá trình học trở thành đối thoại hai chiều, việc loại bỏ bục giảng trong lớp học là cần thiết và nên thực hiện.

2.2.2. *Hướng tâm và li tâm*

Bàn học, cũng như bục giảng không phải là sản phẩm người học tự chuẩn bị mà thuộc về cơ sở vật chất đã chuẩn bị sẵn của nhà trường nhưng thể hiện ứng xử của chủ thể tham gia hoạt động trong không gian văn hóa. Gibson Burrell (2014) cho rằng bàn làm việc không chỉ là một bề mặt làm việc mà còn là sự thay đổi quan hệ quyền lực từ trước đến thế giới đương đại. Từ một đồ vật thường làm bằng gỗ, có mặt phẳng và chân đỡ, dùng để đựng đồ đạc hay viết lách, ăn uống, bàn làm việc chuyển nghĩa và tượng trưng cho sự thay đổi trong mối quan hệ quyền lực và vai trò làm việc. Phân tích biểu tượng bàn học trong

lớp học có thể thấy giá trị văn hóa của các trường soi chiếu qua cặp đối lập: Hướng tâm - li tâm.

Bàn học thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Nếu bàn học trong trường phổ thông công lập là bàn đôi, bàn tư phản ánh tính cộng đồng cao thì bàn học tại các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư khác là bàn đơn. Bàn đơn thể hiện tính cá nhân cao nhưng linh hoạt ghép nhóm - thể hiện mối liên kết với cộng đồng. Chiếc bàn có thể tách rời, có thể ghép nhóm thành nhóm hai - nhóm ba khi thảo luận, có thể chuyển đổi mô hình từ chữ U sang hình vuông, hình tròn khi thuyết trình, thành dãy truyền thống khi làm kiểm tra; và hơn hết, với chiếc bàn đơn như vậy, các thành viên sẽ không cố định một chỗ mà được luân chuyển liên tục, dễ dàng, tăng tính tương tác. Trên cơ sở ba mô hình lớn (chữ U - U đôi; Tròn - bán tròn; hình vuông và các biến thể của nó), người dạy sẽ bố trí, sắp xếp lớp học của mình nhằm phát huy tối đa tính bình đẳng giữa các cá nhân. Có mối liên hệ mật thiết giữa mô hình hướng tâm (dãy dọc) - bàn đôi, bàn tư - bục giảng và mô hình li tâm (các mô hình khác) - bàn đơn - không bục giảng. Có thể nhận định mô hình hướng tâm gắn với tính cộng đồng và mô hình li tâm mang tính cá nhân. Nói cách khác, bàn học là biểu hiện của mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng

Bàn học và cách sắp xếp bàn học thể hiện quan điểm giáo dục và ứng xử của người dạy. Với mô hình hướng tâm, tất cả các bàn học hướng về phía người dạy, thậm chí, bàn ghế bị vít chặt xuống sàn để tránh lộn xộn, xô lệch sẽ hạn chế tương tác giữa các cá nhân trong lớp, người dạy dễ dàng “bỏ quên” người học ở xa và chính bản thân các em cũng dễ phân tâm, không chú ý. Bàn ghế được sắp xếp theo kiểu “truyền thống” vẫn có ý nghĩa trong các nội dung học thiên về thuyết giảng, với mô hình lớp học lớn, đặc biệt trong một không gian không rộng rãi lắm (xếp bàn ghế theo mô hình dãy dọc hướng tâm sẽ tiết kiệm được 1,5 lần diện tích lớp học so với các mô hình khác).

Qua cách tổ chức và sắp xếp lớp học ấy, chúng ta đọc được những tầng sâu giá trị của văn hóa giáo dục một trường học nói chung, trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nói riêng. Trong mô hình hướng tâm, người dạy là trung tâm. Trong mô hình li tâm, người học lại là trung tâm.

Tham dự chính thức hai mươi tiết học khác nhau của năm trường được khảo sát (Bảng 1), chúng tôi nhận thấy khuynh hướng sắp xếp bàn ghế có sự khác nhau giữa các trường: SSIS, CIS xếp bàn theo nhóm, Well xếp bàn chữ U và Nguyễn Thị Diệu, Đức Trọng xếp bàn dãy dọc. Phương pháp tương tác chính của người dạy trong các tiết chúng tôi thực hiện quan sát là thảo luận (với SSIS và CIS), thuyết trình (Well) và thuyết giảng (Nguyễn Thị Diệu, Đức Trọng). Như vậy, mô hình sắp xếp bàn học và mục tiêu bài học có quan hệ nhân - quả và tác động hai chiều. Tám tiết quan sát trùng nội dung với tiết trước đó [T1+2 (2), T9 (2), T11 (2), T14 (2)] được thực hiện với mục đích quan sát sự thay đổi, chuyển biến của không gian trong chủ thể và thời gian tiết học tương ứng. Cách sắp xếp bàn ghế có sự thay đổi tùy từng trường: SSIS chuyển sang mô hình chữ U, CIS vẫn theo mô hình nhóm, Well chuyển sang mô hình nhóm, Nguyễn Thị Diệu và Đức Trọng vẫn theo mô hình dãy dọc. Phương pháp chính của người dạy trong các tiết T1+2 (2) là thuyết trình, T9 (2) là thảo luận, T11(2) là thảo luận và T14 (2) là làm việc cá nhân. Vậy, tổ chức không gian tĩnh phụ thuộc vào ý đồ giáo dục của người dạy.

2.2.3. Đóng và mở

Khái niệm “Lớp học” ở trường phổ thông công lập và trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư có sự khác biệt: Lớp học ở trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư là phòng bộ môn của người dạy, là nơi trưng bày sản phẩm của người học còn phòng học trường phổ thông công lập, lớp học thường thuộc về người học, người dạy di chuyển. Không gian và thực hành trong lớp học

cũng thể hiện rõ sự khác biệt văn hóa của hai môi trường, được soi chiếu cụ thể và rõ ràng qua cặp đối lập lưỡng phân: đóng và mở.

Lớp học được gắn kết bởi không gian và lớp học được gắn kết bởi sở thích. Do sự khác biệt về chủ thể sở hữu (lớp học trường phổ thông công lập thuộc về người học còn lớp học trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư thuộc về người dạy) nên có sự khác biệt rõ nét trong bài trí lớp học: Nếu một bên mang sắc thái phòng bộ môn rất rõ nét với cách trang trí thể hiện chuyên môn của người dạy thì bên kia mang sắc thái lớp chủ nhiệm với các bản nội quy và thông báo. Nếu một bên dán lên tường, treo lên trần và có những bảng ni cuối lớp để trưng bày sản phẩm người học thì bên kia thường in cố định, chèn chu các câu khẩu hiệu, mục tiêu chung của tất cả các lớp học. Lớp học ở trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư mang màu sắc cá nhân người học và người dạy nhiều hơn, hướng đến vinh danh cá nhân người học hơn thì lớp học ở trường phổ thông công lập đồng phục và ít màu sắc hơn. Theo đó, các người học trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sẽ di chuyển sang các phòng học bộ môn khác nhau, đồng thời học với các bạn khác (do sắp xếp lớp theo trình độ và lựa chọn), khác với việc người học ngồi tại lớp của mình, người dạy di chuyển đến từng lớp học. Khái niệm “lớp học” của trường phổ thông công lập thường gắn với địa điểm cụ thể, gắn với tập thể lớp (và đôi khi các em cùng tập thể này - thường được sắp xếp dựa vào năng lực, vào ngẫu nhiên hơn là tùy chọn, tự nguyện - học với nhau qua nhiều năm, mức độ gắn bó trở nên vô cùng sâu sắc, bền chặt); còn “lớp học” trong trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư là khái niệm rộng và mở, thay đổi linh hoạt. Tính tập thể, cộng đồng trong các lớp học công lập sâu hơn, bền hơn. Trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, người học đăng ký các lớp theo định hướng tương lai, đăng ký các câu lạc bộ theo sở thích của mình. Tính bền chặt của

lớp và câu lạc bộ ấy cũng rất sâu sắc vì các em gắn kết dựa trên tự nguyện và sở thích cá nhân. Các cá nhân trong lớp học trường phổ thông công lập được gắn kết bởi không gian còn các cá nhân trong trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư được gắn kết bởi sở thích.

Lớp học đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thúc đẩy mối tương quan giữa con người với nhau và với môi trường

Khái niệm lớp học ở trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư mở so với trường phổ thông công lập, các trường cũng mở rộng và thay đổi khái niệm lớp học. Những môi trường lớp học "đóng cửa" không dạy nhiều cho sinh viên về quy trình dân chủ và cách hoạt động trong môi trường ấy [7].

Đến lớp không chỉ là vào trường, đến lớp còn có nghĩa là bước ra ngoài bức tường lớp học truyền thống để hòa vào thế giới thực, sống cùng con người và văn hóa nước sở tại, phát triển sự độc lập, trách nhiệm cá nhân, gia tăng sự tôn trọng với môi trường và tăng cường tương tác với người khác. Những lớp học như vậy được SSIS tổ chức qua tuần lễ "Week Without Walls", CIS tổ chức qua ngày "Outdoor Classroom Day", Wellspring tổ chức qua "Wall-less Classroom". Trải nghiệm thực tế, người học sẽ học được cách khoan dung, chia sẻ khó khăn, tôn trọng khác biệt từ người khác, biết ơn những gì mình có. Đó là cơ hội để người học hình thành phẩm chất của công dân toàn cầu.

John Dewey cho rằng nhà trường không phải là nơi được xây dựng để làm chỗ cho trẻ em đến đó học, Nhà trường chính là môi trường sống của ngày hôm nay. Không có sự tháo rời giữa nhà trường và cuộc đời thực bên ngoài. Một môi trường "mở cửa" sẽ tạo cơ hội cho người học, giúp người học năng động hơn, tự tin hơn, không bỡ ngỡ khi rời cổng trường để bước vào môi trường xã hội [3].

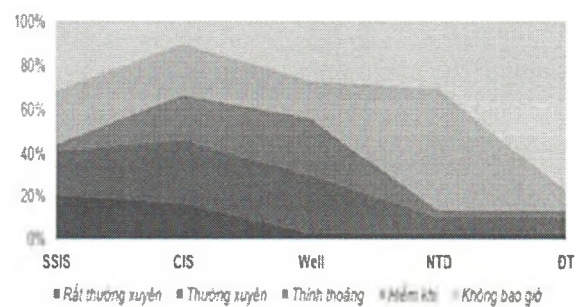
Trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư có xu hướng chuyển từ không gian tĩnh sang không gian động, từ không gian

đóng sang không gian mở. Việc thúc đẩy tổ chức không gian theo tính "động" và tính mở cũng để thúc đẩy tính tương tác của người học với nhau, giữa người học với môi trường xung quanh trong quan hệ đồng đẳng.

2.2.4. Động và tĩnh

Động hóa không gian tĩnh qua hoạt động sắp xếp bàn ghế và trang trí lớp học. Kết quả khảo sát cho thấy, trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư chú trọng xây dựng không gian tĩnh hơn trường phổ thông công lập. Sự chú trọng ấy thể hiện ở hoạt động trang trí lớp học, sắp xếp bàn ghế, từ cách thức sử dụng vật liệu và tần số thay đổi hoạt động ấy. Qua khảo sát mức độ thường xuyên trang trí lớp học, Cách thức trang trí lớp học, Cách thức sắp xếp bàn ghế, bài viết rút ra những kết luận có ý nghĩa.

Chúng ta dễ nhận thấy có khuynh hướng thay đổi rõ rệt trong cách sắp xếp bàn ghế từ dãy dọc sang chữ U và chữ U đôi đến hình vuông, hình tròn và bán tròn và cuối cùng là theo nhóm. Cách sắp xếp bàn ghế theo hướng li tâm và hướng tâm vừa phục vụ trực tiếp mục tiêu bài học, vừa thể hiện quan hệ giữa người dạy và người học trong quan hệ tôn ti, vừa tác động đến tính tương tác của người học trong quan hệ đồng đẳng.



Hình 1. Mức độ thường xuyên sắp xếp bàn ghế theo hình chữ U và chữ U đôi

Mô hình dãy dọc phổ biến ở trường phổ thông công lập (Nguyễn Thị Diệu, Đức Trọng), giảm dần khi bước sang song ngữ và tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư (Well, CIS, SSIS). Mô hình chữ U, U đôi, hình vuông, hình tròn và bán tròn sử dụng phổ biến hơn ở trường tư thục

do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, giảm dần khi sang trường song ngữ và giảm hẳn khi sang trường phổ thông công lập. Mô hình sắp xếp bàn ghế theo nhóm có sự khác biệt nhưng không chênh lệch nhiều giữa các loại hình trường. Nhóm trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sử dụng mô hình đa dạng và tần số thay đổi cách sắp xếp bàn ghế cao hơn nhiều so với nhóm trường còn lại (SSIS: 32% người học cho biết trường thường xuyên thay đổi cách sắp xếp bàn ghế, các mô hình dãy dọc, chữ U, chữ U đôi, hình vuông, hình tròn, bán tròn và hình nhóm đều được sử dụng. Trong khi đó, trị số này ở trường phổ thông công lập là 6% và mô hình thường xuyên sử dụng là dãy dọc – khoảng 24%, sau nữa là nhóm - khoảng 14%, các mô hình còn lại gần như không có). Trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư thường sắp xếp người học đối mặt với nhau vừa tăng cường tính bình đẳng của thành viên, yêu cầu mỗi người đều tích cực tham gia, vừa gia tăng áp lực tập thể lên các thành viên khác qua việc quan sát, kiểm soát, thảo luận và phản biện lẫn nhau. Ngôn ngữ cơ thể được điều chỉnh cho phù hợp với tập thể. Bàn học là của cá nhân, hoạt động có thể được thiết kế cho cá nhân (nhưng lại chịu áp lực của tập thể), có thể được thiết kế cho nhóm hoặc tập thể (yêu cầu sự tham gia tích cực của mọi cá nhân). Sự thay đổi trang trí lớp và sắp xếp bàn ghế là quá trình chuyển từ không gian tĩnh sang không gian động. Không gian càng động, tác dụng giáo dục càng cao (tạo hứng thú cho người học).

Tổ chức không gian tĩnh trong trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vừa tạo môi trường thúc đẩy học tập, vừa tạo nên không gian văn hóa, không gian trưng bày để người học trải nghiệm. Lựa chọn cách thức trang trí và sắp xếp không gian tùy thuộc vào mục tiêu giáo dục của người dạy. Trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư rất chú trọng đến việc xây dựng không gian tĩnh và luôn có ý thức chuyển không gian từ tĩnh sang động.

Trong lớp học, SSIS và các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nói chung có xu hướng chuyển không gian tĩnh thành không gian động qua tần số thay đổi không gian, qua thiết kế hoạt động tương tác với sản phẩm của người học.

Xây dựng không gian động bằng việc thiết lập quan hệ hợp tác trong cộng đồng các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và quan hệ hợp tác liên dòng chị - em giữa các trường (Inter-stream sister schools).

Mạng lưới các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan hệ khá chặt chẽ, cùng tổ chức các hoạt động chung (hoạt động thể thao, thi sáng tạo robot, tranh tài về khoa học)... Từ phạm vi một trường, sự liên kết ấy đã mở rộng không gian, tạo cơ hội cho các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục trong môi trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư rộng hơn.

Bên cạnh thiết lập quan hệ trong cộng đồng các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, việc thiết lập quan hệ hợp tác liên dòng chị - em với các trường cũng được SSIS quan tâm. Có nhiều hình thức hợp tác liên dòng giữa các trường: quan hệ mẹ - con, quan hệ chị - em. Quan hệ mẹ - con là quan hệ chuyển giao - tiếp nhận giữa trường được xem là mạnh hơn và trường yếu hơn. Quan hệ chị - em là quan hệ chia sẻ bình đẳng, ngang hàng, các chủ thể tham gia đều hưởng lợi. Lợi ích cho cả hai bên có thể khác nhau nhưng có thể có giá trị như nhau, với điều kiện là có nhiều cơ hội đối thoại để đảm bảo quan hệ đối tác thực sự tương hỗ và hai bên đều nhận được lợi ích. Những trường được đề cập ở đây thuộc về hai dòng: dòng địa phương (bao gồm các trường công lập hoặc ngoài công lập nhưng theo định hướng của Bộ Giáo dục và đào tạo); dòng tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư (bao gồm các trường phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và trường nước ngoài). Thiết lập quan hệ liên dòng chị - em giữa các trường tức là trường dòng địa phương và trường

dòng tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư cần liên kết nhằm thúc đẩy, hỗ trợ, phát triển văn hóa giáo dục của các trường. Có nhiều loại và nhiều hình thức liên kết: Liên kết ngẫu nhiên thường do một người dạy đứng đầu, liên kết cơ bản do hai trường cùng hợp tác, liên kết bền vững thường được củng cố bởi sự hiểu biết văn hóa. Loại liên kết cuối cùng có tác động giáo dục theo chiều rộng và chiều sâu nhất.

3. KẾT LUẬN

Trong tương quan so sánh, văn hóa giáo dục trường phổ thông công lập và trường phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nhìn từ tổ chức không gian có nhiều khác biệt xét trên các cặp đối lập lưỡng phân: Nếu như trường phổ thông công lập nghiêng về cao xa, hướng tâm, đóng và tĩnh thì trường phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư nghiêng về gần gũi, li tâm, mở, và động.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Allan, A. & Charles, C. (2013), *Preparing for life in the global village: producing global citizen subjects in UK schools*, *Research Papers in education*, 30.2015, doi.org/10.1080/02671522.2013.851730.
- [2] Caine, R. (2011), *Are you a part of an educational culture of compliance or empowerment?* Truy xuất từ <http://www.cainelearning.com/>.
- [3] Dewey. J. (1997), *Democracy And Education*, Mcmillan Company.
- [7] Hoàng Phê (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
- [5] Hofstede, G. (2010), *Cultures and organizations: Software for the mind*. (3rded.), McGraw-Hill, NewYork.
- [6] Hofstede, G. (2015), *10 minutes with Geert Hofstede*. Truy cập từ <http://geerthofstede.com/training-consulting/online-lectures/>.
- [7] Koliba, C. (2000), *Democracy and education schools and Communities initiative conceptual framework and preliminary findings*. Truy xuất từ <http://www.uvm.edu/~dewey/articles/Democonc.html>.
- [8] Kumar, K. (1992), *What is worth teaching?*, Truy cập từ <http://www.arvindguptatoys.com/arvindgupta/worthteaching.pdf>.
- [9] Schubart, B. (2007), *Educational culture*, Truy xuất từ <https://schubart.com/educational-culture/>
- [10] Shonekan, O. (2014), *Defining characteristics of culture*. Truy xuất từ <http://ramcewing.people.yosu.edu/TSCultureEssayEx.pdf>.
- [11] Stolp, S. & Smith C. S. (1995), *Transforming school culture stories, symbols, values and the leader's role*. ERIC Publications.